

Số: **53** /2019/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **30** tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Công văn số 432/HĐND-KTNS ngày 27/12/2019 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh V/v Thống nhất ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 4255/TTr-STC ngày 20/12/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (trừ máy móc, thiết bị chuyên dùng của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo)

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, Cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư), Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

Điều 3. Nguyên tắc ban hành và áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng

1. Máy móc, thiết bị chuyên dùng là máy móc, thiết bị có yêu cầu về tính năng, dung lượng, cấu hình cao hơn máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến và máy móc, thiết bị khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị có đủ tiêu chuẩn tài sản cố định theo quy định của chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Giá mua máy móc, thiết bị chuyên dùng quy định tại Điều 4 Quyết định này là giá mua phổ biến trên thị trường (giá đã được các nhà cung cấp niêm yết, thông báo trên thị trường) hoặc tham khảo giá mua của các kỳ trước, đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng

1. Phụ lục 01: Tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

2. Phụ lục 02: Tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã.

Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10/01/2020.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cục kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, TM.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Chính

PHỤ LỤC 01
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG TẠI CÁC
CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ CẤP TỈNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 53 /2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
STT	Chủng loại		
A	GIAO THÔNG VẬN TẢI		
I	Văn phòng Sở Giao thông vận tải		
1	Máy in thẻ chuyên dùng phục vụ công tác cấp đổi GPLX theo công nghệ mới	Cái	1
2	Máy in phù chuyên dùng phục vụ công tác cấp đổi GPLX theo công nghệ mới	Cái	1
3	Hệ thống cân kiểm tra tải trọng xe	Cái	1
B	VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH		
I	Văn phòng Sở		
1	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	1
2	Máy quay phim	Cái	1
II	Hoạt động Thanh tra ngành		
1	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	1
2	Máy ghi âm	Cái	1
3	Máy đo cường độ âm thanh, đo độ ồn	Cái	1
4	Máy đo cường độ ánh sáng	Cái	1
5	Thiết bị ghi hình	Cái	1
6	Thiết bị đo độ PH	Cái	1
7	Thiết bị đo nước thải	Cái	1
8	Thiết bị đo độ bụi không khí	Cái	1
9	Máy in xách tay	Cái	1
III	Đoàn nghệ thuật tỉnh		
1	Âm ly các loại	Cái	24
2	Đèn các loại (đèn ký xảo, đèn đổi màu, đèn chớp)	Cái	50
3	Micro các loại	Cái	80
4	Loa âm thanh các loại	Cái	54
5	Dây loa	m	300
6	Mixer cho âm thanh	Cái	2
7	Digital Controller DSp48	Cái	2
8	Effect YAMAHA SPX 2000	Cái	2
9	Máy tính xách tay dùng cho chuyên môn	Cái	4
10	Đàn Organ	Cái	2
11	Đàn Piano điện	Cái	2
12	Trống gỗ	Cái	3
13	Guitar	Cái	4
14	Đầu đĩa	Cái	8
15	Equalizer	Cái	6
16	Chân đèn vuông 60 + chống	Bộ	4
17	Bộ trộn âm thanh kỹ thuật số	Cái	2

STT	Chủng loại	Tên cơ quan, đơn vị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
18	Hộp khuếch đại		Cái	2
19	Chân tời loa		Cái	4
20	Bộ xử lý tín hiệu		Cái	4
21	Bộ công suất đèn		Bộ	2
22	Máy tạo khói		Cái	6
23	Hộp cáp		cuộn	2
24	Echo		Cái	4
25	Micro thu âm		Bộ	4
26	Dây đèn, dây tín hiệu		m	700
27	Bàn điều khiển ánh sáng (đèn)		Cái	10
28	Thùng đựng bảo vệ thiết bị		Cái	18
IV	Trung Tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT tỉnh			
1	Máy ảnh kỹ thuật số		Cái	1
2	Máy quay phim		Cái	1
3	Máy định vị		Cái	1
4	Máy hút vệ sinh đáy bể		Cái	1
5	Thuyền đôi Rowing		Chiếc	2
6	Thuyền đơn Rowing		Chiếc	2
7	Máy tập chèo trong nhà		Cái	2
8	Mái chèo Rowing		Đôi	4
9	Bộ âm thanh loa máy		Bộ	1
V	Trung Tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh			
1	Âm ly các loại		Cái	14
2	Loa các loại		Cái	56
3	Đàn dây		Cái	3
4	Mixer các loại		Bộ	3
5	Tăng âm các loại		Cái	2
6	Đàn organ		Cái	2
7	Micro cầm tay		Cái	45
8	Equalizer		Bộ	4
9	Đèn Polo, bóng HMI, đĩa màu, công suất đèn		Cái	1
10	Đầu đĩa MILI RIT		Cái	1
11	Máy ảnh kỹ thuật số		Cái	2
12	Máy quay phim		Cái	3
13	Máy bộ đàm		Cái	5
14	Bộ nạp và đảo bản gốc tự động máy Photo		Bộ	1
15	Hệ thống dàn thừa và cơ khí phong màn		Hệ thống	1
16	Remote có dây		Cái	4
17	Bộ chia ga		Bộ	5
18	Đèn pha sân khấu		Cái	100
19	Đèn chiếu khán giả		Cái	6
20	Đèn fresnel toar		Cái	12
21	Đèn moving head		Cái	30
22	Đèn robocolor wash		Cái	14
23	Đèn chớp light strobe		Cái	2

STT	Chủng loại	Tên cơ quan, đơn vị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
24	Đèn follow 1500w		Cái	2
25	Máy hun khói tự động		Cái	2
26	Phần mềm master software		Bộ	1
27	Bàn điều khiển mixer cho đèn pa		Cái	1
28	Công suất đèn par		Bộ	6
29	Bộ chia tín hiệu		Bộ	2
30	Khung treo đèn tam giác		Cái	6
31	Khung vuông treo đèn 2 bên cánh gà		Cái	2
32	Moter điều khiển dàn khung as, Bộ giảm tốc.		Bộ	6
33	Cáp kéo khung treo đèn tam giác		Mét	24
34	Bộ điều khiển tín hiệu đèn		Bộ	1
35	Móc treo đèn		Cái	86
36	Jack điện cho đèn loại 3 chấu		Cái	100
37	Jack dmx cho hộp dmx 2 lỗ		Cái	1
38	Tủ máy cho Bộ công suất có bánh xe		Cái	2
39	Bộ ty 300/5a		Bộ	1
40	Gỗ phíp cách điện 10mm		Cái	1
41	Tủ điện tổng		Cái	1
42	Tủ máy		Cái	1
43	Hộp ổ cắm điện		Cái	16
44	Khung treo đèn inox		Cái	4
45	Ống nhựa bảo vệ cáp điện d40-sp		mét	100
46	Móc treo sào đèn trên sân khấu loại to		Cái	24
47	Đèn chiếu sáng cục Bộ cho bàn điều khiển		Cái	1
48	Pát treo đèn khán giả		Cái	6
49	Tủ đựng mixer điều khiển đèn		Cái	1
50	Tủ đựng đèn moving heat		Cái	8
51	Bộ chia tần số		Bộ	2
52	Khởi điều khiển trung tâm toa model		khởi	1
53	Hộp đại biểu micro toa model		Cái	21
54	Cần micro toa model		Cái	21
55	Bộ quad mic pre ampli tube với 8 ngõ		Bộ	1
56	Digital effect		Bộ	2
57	Bộ cấp nguồn		Bộ	1
58	Bộ đàm liên lạc nội bộ + tai nghe		Bộ	5
59	Headphone kiểm tra		Bộ	1
60	Loa phóng thanh		Cái	3
61	Máy COPY đĩa Plextor		Bộ	1
62	Máy chiếu phim âm thanh lập thể		Bộ	1
63	Đầu đĩa DVD		Cái	1
64	Chân loa thùng		Cái	2
65	Thiết bị lồng tiếng dân tộc		Bộ	1
66	Máy phát điện		Cái	1
67	Chân camera Benro		Cái	1
68	Bộ đọc tiếng đèn laze máy chiếu LD (01)		Bộ	1

STT	Chủng loại	Tên cơ quan, đơn vị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
69	Khung màn ảnh rộng		Bộ	2
70	Bộ máy 3D		Bộ	1
71	Màn ảnh 3D phân cực 4,40 x 2,40		cái	1
72	Giá cơ khí cho 2 máy 3D		cái	1
73	Bộ phân cực 3D		cái	1
74	Đầu công suất tăng âm		cái	1
75	Bộ đèn sân khấu		Bộ	1
76	Micro thu âm		Bộ	1
77	Đầu đẩy công suất		Cái	2
78	Máy tính xách tay		Cái	2
79	Màn ảnh chiếu phim lưu động		Cái	2
80	Bộ chống sét tại Rạp		Bộ	1
81	Đầu phát HD		Cái	1
82	Máy tăng âm		Cái	1
83	Máy nổ phát điện		Cái	1
84	Giá đỡ thiết bị khi chiếu phim		Cái	1
85	Thiết bị phụ trợ khác trong hệ thống (Dây loa, ổ cắm, dây điện nguồn, ổ cứng ngoài, dây buộc màn, các loại cáp nối đồng bộ theo thiết bị)		Cái	1
C	THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG			
I	Văn phòng Sở			1
1	Máy đo điện trở đất		Cái	1
2	Máy đo tín hiệu đường truyền Internet		Cái	1
3	Thiết bị định vị GPS		Cái	1
4	Máy quay phim		Cái	3
5	Máy ảnh kỹ thuật số		Cái	1
6	Máy đo tín hiệu tần số mặt đất		Cái	1
7	Thiết bị đo và quét tần số		Cái	1
8	Máy ghi âm		Cái	2
9	Thiết bị đo cường độ điện, từ trường		Cái	1
10	Máy đo quang		Cái	1
11	Máy vi tính xách tay (có cấu hình cao để cài các phần mềm đặc thù) và phụ kiện kèm theo		Cái	3
12	Thiết bị sao lưu		Cái	3
13	Ampe kim		Cái	1
14	Thiết bị đo tín hiệu truyền hình cáp		Cái	1
15	Máy phân tích phổ tần số		Cái	1
16	Thiết bị đo sóng di động		Cái	1
17	Máy in màu xách tay		Cái	1
II	Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông			
1	Bộ chuyển mạch		Bộ	10
2	Bộ lưu điện máy chủ (UPS)		Bộ	1
3	Thiết bị định tuyến (Router): Static, Dynamic, BGP		Cái	5

STT	Chủng loại	Tên cơ quan, đơn vị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
4	Thiết bị tường lửa lớp mạng		Cái	2
5	Thiết bị phòng chống và phát hiện xâm nhập (IPS)		Cái	1
6	Hệ thống lưu trữ tập trung SAN		Cái	1
7	Thiết bị chuyển mạch lưu trữ		Cái	1
8	Máy phát điện dự phòng		Máy	1
9	Máy chuyển mạch điện tự động ATS 100A		Máy	1
10	Thiết bị cắt lọc sét 3 pha 30KVA		Cái	1
11	Bộ máy quay phim, chụp ảnh		Bộ	1
12	Điều hoà đứng (dùng cho phòng thiết bị)		Cái	4
13	Máy hút bụi		Cái	1
14	Ổ cắm 32A, chuẩn công nghiệp IP44		Cái	6
15	Hệ thống màn hình Led tra cứu		Cái	4
16	Máy tính xách tay		Cái	40
D	NGOẠI VỤ			
I	Trung tâm Phục vụ đối ngoại tỉnh			
1	Hệ thống thiết bị phiên dịch cabin		Hệ thống	1
E	TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG			
I	Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường			
1	Máy toàn đạc điện tử		Bộ	12
2	Máy đo GPS cầm tay		Cái	25
3	Máy định vị vệ tinh GPS		Bộ	20
4	Máy in A0		Cái	2
5	Máy trạm xử lý CSDL		Bộ	2
6	Bộ Flycam		Bộ	3
II	Văn phòng Đăng ký đất đai (bao gồm cả Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cấp huyện)			
1	Máy định vị GPS đo cao tần		Bộ	12
2	Máy GPS cầm tay		Cái	25
3	Máy toàn đạc điện tử		Cái	12
4	Máy in A0		Cái	12
5	Máy in A3		Cái	23
6	Máy photo A3 và A4		Cái	15
7	Máy vi tính xách tay		Cái	22
8	Máy scan A3		Cái	12
9	Máy chủ		Bộ	5
10	FireWall		Cái	1
11	Router		Cái	11
12	Thiết bị lưu trữ Băng từ hoặc storage area network (SAN)		Bộ	1
13	Máy hút ẩm		Cái	22
14	Máy hút bụi		Cái	20
III	Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường			
1	THIẾT BỊ HIỆN TRƯỜNG			

STT	Tên cơ quan, đơn vị Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
	Thiết bị lấy mẫu môi trường không khí và khí thải		
1.1	Máy lấy mẫu khí và bụi khí	Cái	1
1.2	Bơm lấy mẫu không khí SO ₂ , NO ₂ , CO lưu lượng 0,5 - 2 lit/phút	Cái	18
1.3	Thiết bị lấy mẫu VOCs lưu lượng 0,05 - 0,5 lit/phút	Cái	4
1.4	Thiết bị lấy mẫu khí thải nguồn thải tĩnh	Cái	2
1.5	Thiết bị lấy mẫu bụi (TSP), Bộ tách lọc mẫu bụi PM10, PM2,5	Cái	4
	Thiết bị lấy mẫu môi trường nước		
1.6	Thiết bị lấy mẫu nước theo kiểu Vandorn hoặc kiểu Kammerer (loại ngang)	Cái	2
1.7	Thiết bị lấy mẫu nước theo kiểu Vandorn hoặc kiểu Kammerer (loại dọc)	Cái	2
1.8	Thiết bị lấy mẫu nước thải tự động	Cái	1
1.9	Thiết bị lấy mẫu bùn, trầm tích thông thường (kiểu gầu Ekman)	Cái	3
1.10	Thiết bị lấy mẫu bùn, trầm tích theo tầng sâu (kiểu gầu Van Veem) tời cầm tay	Cái	4
1.11	Bộ lấy mẫu thủy sinh (động vật nổi, thực vật nổi, độc vật đáy)	Bộ	4
	Thiết bị lấy mẫu chất thải rắn và trầm tích		
1.12	Bộ lấy mẫu chất thải rắn	Cái	1
1.13	Khoan lấy mẫu đất	Cái	2
1.14	Cân kỹ thuật 2 số lẻ sử dụng tại hiện trường	Cái	3
	Thiết bị đo nhanh tại hiện trường		
	Môi trường không khí		
1.15	Máy đo độ ồn	Cái	4
1.16	Máy đo rung	Cái	3
1.17	Thiết bị đo cường độ ánh sáng	Cái	3
1.18	Thiết bị đo bức xạ mặt trời	Cái	3
1.19	Thiết bị đo nhiệt độ, độ ẩm, áp suất không khí	Cái	4
1.20	Thiết bị đo tốc độ gió	Cái	4
1.21	Thiết bị đo nhiệt độ, áp suất, lưu tốc khí thải	Cái	2
1.22	Thiết bị đo tia phóng xạ	Cái	2
1.23	Thiết bị đo nhanh cường độ điện từ trường tần số công nghiệp	Cái	2
1.24	Thiết bị đo nhanh cường độ điện từ trường tần số thấp	Cái	2
1.25	Máy đo bụi tổng số dạng điện từ hiện số	Cái	2
1.26	Thiết bị đo độ dẫn điện riêng	Cái	2
1.27	Thiết bị đo liều bức xạ	Cái	1
1.28	Thiết bị đo nhanh khí thải ống khói	Cái	3
1.29	Thiết bị đo nhanh không khí xung quanh	Cái	3

STT	Tên cơ quan, đơn vị Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
	Môi trường nước		
1.30	Thiết bị đo lưu tốc dòng chảy kênh hở	Cái	2
1.31	Thiết bị đo lưu lượng	Cái	2
1.32	Thiết bị đo nhiệt độ, pH	Cái	4
1.33	Thiết bị đo nhiệt độ, EC, TDS, Salt hiện trường	Cái	20
1.34	Thiết bị đo độ mặn liên tục	Cái	10
1.35	Thiết bị đo độ đục hiện trường	Cái	3
1.36	Thiết bị đo DO hiện trường	Cái	4
1.37	Thiết bị đo chất lượng nước đa chỉ tiêu cầm tay	Cái	4
1.38	Thiết bị đo độ trong của nước	Cái	4
1.39	Thiết bị đo clo dư trong nước	Cái	4
1.40	Thiết bị đo khoảng cách	Cái	3
1.41	Máy đo suất liều phóng xạ gamma	Cái	2
1.42	Máy đo suất liều phóng xạ tia X và gamma độ nhạy cao	Cái	1
1.43	Máy đo hoạt độ phóng xạ Gamma	Cái	1
	Thiết bị quan trắc tài nguyên nước		
1.44	Thiết bị đo độ sâu mực nước mặt	Cái	3
1.45	Thiết bị độ sâu mực nước ngầm	Cái	3
1.46	Bơm nước	Cái	2
1.47	Thiết bị đo mặt cắt	Cái	1
	Thiết bị phụ trợ		
1.48	Máy định vị GPS	Cái	8
1.49	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	2
1.50	Phát phát điện 1,5kW	Cái	3
1.51	Máy tính xách tay đi hiện trường	Cái	4
1.52	Xe máy đi hiện trường	Chiếc	4
1.53	Thuyền lấy mẫu lưu động	Chiếc	2
1.54	Ca nô đi hiện trường lấy mẫu nước	Chiếc	1
1.55	Ca nô tại trạm quan trắc tự động liên tục	Chiếc	3
2	THIẾT BỊ PHÒNG THÍ NGHIỆM		
	Thiết bị xử lý mẫu		
2.1	Bếp phá mẫu COD	Cái	3
2.2	Tủ âm phân tích BOD	Cái	4
2.3	Bộ xác định BOD	Cái	3
2.4	Máy sục khí phân tích BOD	Cái	3
2.5	Bộ lọc hút chân không loại 6 van dùng cho phân tích thông số TSS	Cái	3
2.6	Máy cất nước 2 lần tự động	Cái	2
2.7	Bể điều nhiệt (thể tích 50 lit)	Cái	2
2.8	Bể siêu âm (thể tích 50 lit)	Cái	2
2.9	Thiết bị lọc nước siêu sạch	Cái	1
2.10	Tủ lạnh sâu (nhiệt độ nhỏ nhất -21°C)	Cái	2
2.11	Tủ lạnh bảo quản mẫu sử dụng liên tục	Cái	3

STT	Tên cơ quan, đơn vị Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
2.12	Bộ cất phenol, Xyanua, Sunfua	Cái	3
2.13	Bộ cô quay chân không	Cái	2
2.14	Bộ chiết soxhet	Cái	2
2.15	Tủ sấy loại to (thể tích 150 lit)	Cái	2
2.16	Máy ly tâm loại dung tích ống 50ml	Cái	3
2.17	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	3
2.18	Máy lắc đứng	Cái	2
2.19	Máy lắc ngang	Cái	2
2.20	Máy lắc phễu chiết	Cái	2
2.21	Cân phân tích 5 số lẻ	Cái	2
2.22	Cân phân tích 4 số lẻ	Cái	3
2.23	Cân kỹ thuật 2 số lẻ	Cái	3
2.24	Bơm chân không	Cái	3
2.25	Lò nung nhiệt độ max 1200°C	Cái	2
2.26	Tủ hút chân không	Cái	1
2.27	Tủ hút phòng thí nghiệm chịu hoá chất, axit	Cái	4
2.28	Bộ chỉ ết pha rắn 12 vị trí (bao gồm bơm chân không)	Cái	4
2.29	Bộ cô dung môi bằng Nitơ	Cái	1
2.30	Máy sinh khí Nitơ	Cái	2
2.31	Máy sinh khí Hidro	Cái	3
2.32	Máy nghiền mẫu khô	Cái	2
2.33	Bể cách thuỷ	Cái	1
2.34	Máy cất nước 2 lần có tích hợp Bộ trao đổi ion	Cái	2
2.35	Tủ mát bảo quản chất chuẩn	Cái	2
2.36	Cân sấy ẩm	Cái	2
2.37	Máy ly tâm lạnh dung tích ống 50ml	Cái	2
2.38	Máy nghiền ly tâm mẫu đất	Cái	2
2.39	Máy tách ẩm đất	Cái	2
2.40	Bộ pha khí chuẩn	Cái	2
2.41	Bộ cất đạm tự động	Cái	2
2.42	Lò phá mẫu bằng vi sóng	Cái	2
2.43	Hệ thống làm sạch và chuẩn bị mẫu cho phân tích thuốc trừ sâu	Cái	1
2.44	Máy rửa dụng cụ thí nghiệm	Cái	2
2.45	Hệ thống xử lý mẫu cho phân tích nước và nước thải	Cái	2
	Thiết bị phân tích hóa lý		
2.46	Máy đo pH để bàn	Cái	3
2.47	Máy đo conductivity/TDS/Salinity	Cái	3
2.48	Máy đo DO (Loại để bàn)	Cái	2
2.49	Thiết bị đo DO có cánh khuấy sử dụng cho phân tích BOD	Cái	3
2.50	Thiết bị đo pH, Orp	Cái	2
2.51	Thiết bị đo độ đục	Cái	3

STT	Tên cơ quan, đơn vị		Số lượng tối đa
	Chủng loại	Đơn vị tính	
2.52	Thiết bị đo điện hóa đo Florua	Cái	3
2.53	Máy đo phổ cầm tay	Cái	2
2.54	Máy quang phổ tử ngoại khả kiến UV - VIS	Cái	4
2.55	Máy quang kế ngọn lửa phân tích Na, K	Cái	1
2.56	Máy phân tích thủy ngân Hg cho mẫu lỏng (có Bộ lấy mẫu tự động)	Cái	1
2.57	Máy đo hoạt độ alpha/beta phòng thấp tự động.	Cái	2
2.58	Máy phân tích dòng chảy liên tục	Cái	1
2.59	Thiết bị phân tích đa nguyên tố đồng thời bằng huỳnh quang tia X	Cái	1
2.60	Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao HPLC	Cái	1
2.61	Máy sắc ký lỏng khối phổ LC/MS/MS	Cái	1
2.62	Hệ thống sắc ký khí GC-ECD/NPD/FID, Bộ lấy mẫu khí pha hơi headspace	Cái	1
2.63	Máy quang phổ phát xạ nguyên tử (ICP-MS/MS)	Cái	1
2.64	Hệ thống quang phổ hấp thụ nguyên tử AAS đo đồng thời nhiều nguyên tố	Cái	3
2.65	Hệ thống sắc ký ion dùng gel	Cái	1
2.66	Hệ thống sắc ký khí khối phổ 3 tứ cực GC-MS/MS, Bộ giải hấp nhiệt	Cái	1
2.67	Máy phân tích AOX	Cái	1
2.68	Máy xác định hơi Hg trong không khí	Cái	1
2.69	Máy đo hàm lượng dầu mỡ bằng phổ hồng ngoại	Cái	1
2.70	Thiết bị kiểm định nhanh phế thải nhựa bằng XRF	Bộ	1
	Thiết bị phân tích các chỉ tiêu vi sinh và quan trắc đa dạng sinh học		
2.71	Bộ đếm khuẩn lạc	Bộ	3
2.72	Tủ cấy vi sinh	Cái	3
2.73	Tủ âm	Cái	4
2.74	Nồi hấp tiệt trùng	Cái	4
2.75	Máy đếm khuẩn lạc	Cái	2
2.76	Kính hiển vi	Cái	2
2.77	Máy định tính vi sinh vật	Cái	1
2.78	Máy định lượng vi sinh vật	Cái	1
	Thiết bị phụ trợ		
2.79	Tủ hút khí độc	Cái	4
2.80	Tủ đựng hoá chất	Cái	3
2.81	Thùng bảo quản mẫu	Cái	5
2.82	Máy tính kết nối và điều khiển thiết bị	Cái	8
2.83	Máy tính xách tay	Cái	3
2.84	Máy hút bụi	Cái	2
2.85	Bộ tích điện UPS 20 KW	Cái	3
2.86	Máy phát điện 80KVA	Cái	1
2.87	Bơm nước tăng áp	Cái	2
2.88	Máy hút ẩm	Cái	9

STT	Tên cơ quan, đơn vị Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
2.89	Bàn phòng thí nghiệm	Cái	25
2.90	Bàn có bồn/chậu rửa	Cái	10
2.91	Phần mềm	Bộ	5
2.92	Màn hình thể hiện số liệu quan trắc và đặc điểm vị trí quan trắc	Cái	5
2.93	Hệ thống xử lý nước thải	Cái	2
2.94	Hệ thống xử lý khí thải	Cái	2
3	TRẠM QUAN TRẮC TỰ ĐỘNG		
3.1	Trạm quan trắc môi trường không khí tự động cố định	Trạm	3
3.2	Trạm quan trắc môi trường nước mặt lục địa tự động cố định	Trạm	3
3.3	Trạm quan trắc môi trường nước biển ven bờ tự động cố định	Trạm	3
3.4	Trạm quan trắc môi trường không khí tự động di động	Trạm	2
3.5	Trạm quan trắc môi trường nước tự động di động	Trạm	2
3.6	Hệ thống máy chủ, kèm thiết bị phụ trợ	Hệ thống	2
IV	Chi cục Bảo vệ Môi trường		
	Thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu		
1	Phao quây gần bờ	Mét	600
2	Bộ dây kéo phao	Bộ	6
3	Bộ neo cố định phao	Bộ	6
4	Hệ thống cô lập thu hồi dầu trên mặt nước đa năng	Bộ	1
5	Bơm hút dầu/chất bẩn	Bộ	2
6	Thùng chứa dầu/chất bẩn kéo dưới nước	Cái	5
7	Thùng chứa dầu/chất bẩn cơ động đặt trên bờ	Cái	5
8	Phao quây thăm dầu/chất bẩn đặt trên bờ	Mét	400
9	Máy xịt cao áp	Cái	5
	Thiết bị phục vụ công tác lấy mẫu, kiểm tra hiện trường		
10	Thiết bị lấy mẫu nước	Cái	1
11	Máy định vị GPS cầm tay	Cái	1
12	Thiết bị đo lưu lượng kênh hở	Cái	1
13	Bộ thiết bị lấy mẫu nước thải (bao gồm thùng chứa mẫu và tủ bảo quản mẫu)	Bộ	1
14	Máy in xách tay (gồm các thiết bị đi kèm máy)	Cái	1
F	NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN		
I	Lĩnh vực Lâm nghiệp		
1	Máy định vị GPS	Cái	1
2	Bộ Flycam	Bộ	1
3	Máy bay ảnh	Cái	1
4	Máy đo chiều cao	Cái	1

STT	Tên cơ quan, đơn vị Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
5	Mô tô tuần tra bảo vệ rừng	Chiếc	1
6	Bộ máy quay phim, chụp ảnh	Bộ	1
II	Thanh tra pháp chế		
1	Máy ghi âm	Cái	1
2	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	1
III	Phòng cháy, chữa cháy rừng		
1	Máy cắt thực bì	Cái	1
2	Máy cưa xăng	Cái	1
3	Máy bơm nước công suất nhỏ	Cái	1
4	Máy bơm nước công suất lớn	Cái	1
5	Máy thổi gió đeo vai	Cái	1
6	Máy thổi gió cầm tay	Cái	1
7	Loa máy tuyên truyền	Bộ	1
IV	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản		
1	Tủ hút khí độc không đường ống	Cái	1
2	Máy ly tâm để bàn	Cái	1
3	Bể rửa siêu âm	Cái	1
4	Máy gia nhiệt khô Dry Block Heater Mỹ	Cái	1
5	Máy PCR thường	Cái	1
6	Bộ điện di + phụ kiện	Bộ	1
7	Máy ly tâm lạnh	Cái	1
8	Bàn đọc UV	Cái	1
9	Máy lắc ống nghiệm	Cái	1
10	Máy cất nước 2 lần	Cái	1
11	Nồi hấp tiệt trùng	Cái	1
12	Tủ sấy dụng cụ	Bộ	1
13	Buồng cấy vi khuẩn	Bộ	1
14	Kính cản tia UV cá nhân	Cái	1
15	Thiết bị phân tích môi trường	Bộ	1
16	Kính hiển vi Olympus	Cái	1
17	Máy đếm khuẩn lạc	Cái	1
18	Tủ âm nuôi cấy vi sinh	Bộ	1
19	Máy đo PH để bàn	Cái	1
20	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	1
21	Máy đập mẫu vi sinh	Cái	1
22	Kính hiển vi soi nổi	Cái	1
23	Máy đo Paraphine	Cái	1
24	Cân kỹ thuật	Cái	1
V	Ban Quản lý Cảng Cá		
1	Cano	Chiếc	1
VI	Chi cục Thủy sản		
1	Thước dây Cuộn (sợi bố)	Cuộn	1
2	Thước Cuộn (kim loại)	Cuộn	1
3	Đồng hồ đo độ nghiêng tàu	Cái	1

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
Chủng loại			
4	Đồng hồ đo tốc độ gió	Cái	1
5	Thiết bị đo cường độ âm thanh	Bộ	1
6	Thiết bị đo cường độ ánh sáng	Bộ	1
7	Máy siêu âm đo độ dày tôn vò	Cái	1
8	Thiết bị đo tốc độ tàu	Bộ	1
9	Đồng hồ bấm giây	Cái	1
10	Búa kiểm tra	Cái	1
11	Thước lá mỏng	Cái	1
12	Thước lá dẹt	Cái	1
13	Thước đo mối hàn	Cái	1
14	Đồng hồ so	Cái	1
15	Đồng hồ đo vòng tua máy kiểu cơ hoặc kiểu từ	Cái	1
16	Đồng hồ đo nhiệt độ nước	Cái	1
17	Đồng hồ đo nhiệt độ khí xả	Cái	1
18	Thiết bị đo độ khối	Bộ	1
19	Bộ đồ vẽ kỹ thuật	Bộ	1
20	Thước cặp	Cặp	1
21	Panme đo ngoài	Cái	1
22	Panme đo trong	Cái	1
23	Thiết bị đo điện	Bộ	1
24	Máy đo quang phổ để bàn	Cái	1
25	Máy PCR cầm tay Pockit micro Plus	Cái	1
26	Máy thông tin liên lạc	Cái	1
VII	Ban Quản lý rừng phòng hộ		
1	Máy thổi gió đeo vai	Cái	4
2	Máy cắt thực bì	Cái	4
3	Máy cưa xăng mini	Cái	3
4	Máy định vị GPS	Cái	6
5	Bảo hộ chữa cháy	Bộ	2
6	Bàn dập lửa	Cái	2
7	Dao phát cán dài	Cái	2
8	Ống nhôm	Cái	2
9	Máy bơm chữa cháy	Cái	2
10	Cuộn vòi chữa cháy	Cuộn	2
11	Bình cứu hỏa xách tay	Cái	2
12	Dụng cụ cắt	Bộ	2
13	Dụng cụ cào và đào	Bộ	2
14	Dụng cụ phun nước	Bộ	2
15	Bình bơm đeo vai	Cái	2
16	Bộ đàm	Bộ	3
17	Ống nhôm hồng ngoại ban đêm	Cái	2
18	Kéo cắt cành trên cao	Cái	2
19	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	2
20	Máy bay ảnh	Cái	2
21	Xe máy đi tuần tra bảo vệ rừng	Chiếc	2

STT	Tên cơ quan, đơn vị Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
22	Bình xịt ô xy	Bình	1
23	Trạm phát sóng + Bộ đàm	Trạm	1
VIII	Chi cục trồng trọt và BVTV		
1	Hệ thống bẫy côn trùng	Hệ thống	1
2	Kính hiển vi kết nối máy tính	Cái	1
3	Lồng nuôi côn trùng	Cái	1
4	Bộ rây	Bộ	1
5	Que Quicktest lùn sọc đen	Cái	1
6	Tủ lưu, bảo quản mẫu	Cái	1
7	Máy đo PH cầm tay	Cái	1
8	Bộ dụng cụ lấy mẫu đất	Bộ	1
9	Máy đo hàm lượng NPK trong đất, độ PH, độ ẩm	Cái	1
G	ĐÀI PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH TỈNH		
1	Hệ thống máy chủ sản xuất chương trình	Bộ	4
2	Ổ cứng Máy chủ lưu trữ	Chiếc	200
3	Hệ thống lưu trữ trung tâm	Bộ	2
4	Máy tính dựng hình	Bộ	10
5	Máy tính đồ họa	Bộ	3
6	Hệ thống trường quay ảo	Bộ	2
7	Bộ nhắc lời	Bộ	4
8	Máy quay phim	Cái	4
9	Hệ thống máy chủ ảo hóa	Bộ	14
10	Máy tính trạm ảo hóa	Bộ	50
11	Bộ lưu điện UPS	Hệ thống	15
12	Bộ switch	Bộ	30
13	Mixer âm thanh	Cái	11
14	Micro các loại	Cái	12
15	Máy tính chuyên dùng khác	Bộ	4
16	Loa kiểm âm	Bộ	4
17	Hệ thống âm thanh phim trường	Bộ	3
18	Mixer hình	Cái	6
19	Máy tính phục vụ thu phát sóng và phần mềm	Bộ	15
20	Loa kiểm thính	Bộ	5
21	Máy quay phim trường	Cái	8
22	Bộ điều khiển Camera	Bộ	8
23	Ống kính máy quay phim	Chiếc	8
24	Máy quay phim lưu động và phụ kiện	Bộ	25
25	Pin Camera, Bộ sạc	Cái	30
26	Thẻ nhớ các loại	Cái	30
27	Đầu đọc thẻ	Cái	30
28	Đèn cho camera lưu động	Cái	30
29	Bộ liên lạc Intercom	Bộ	5
30	Tai nghe	Chiếc	8
31	Màn hình	Chiếc	15
32	Tivi kiểm tra tín hiệu	Chiếc	15

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
Chủng loại			
33	Radio kiểm tra sóng	Chiếc	5
34	Bộ Flycam	Bộ	2
35	Cầu quay phim	Bộ	2
36	Cáp video, Jack	Cuộn	10
37	Cáp tiếng, Jack	Cuộn	10
38	Máy phát hình (Digital), hệ thống ang ten	HT	1
39	Máy phát thanh FM, hệ thống anten	HT	3
40	Máy điều hòa công suất lớn	Bộ	4
41	Đèn trường quay	HT	4
42	Bộ làm chậm	Bộ	3
43	Máy ghi âm	Cái	25
44	Bộ ray camera cho phim trường	Bộ	2
45	Bộ chia hình	Bộ	8
46	Bộ chia tiếng	Bộ	1
47	Bộ ghép hình tiếng	Bộ	8
48	Bộ thu phát quang HD	Bộ	5
49	Pass Panel đầu nối	Bộ	8
50	Bộ chuyển đổi tín hiệu	Bộ	3
51	Bộ Bàn	Bộ	30
52	Bộ Tủ rack	Bộ	10
53	Bộ Máy phát điện	Bộ	4
H	VĂN PHÒNG SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		
1	Máy chụp ảnh	Cái	2
2	Máy ghi âm	Cái	2
3	Máy quay phim	Bộ	2
4	Bộ âm thanh loa máy	Bộ	2
K	VĂN PHÒNG SỞ Y TẾ		
1	Máy quay phim	Bộ	1
2	Máy chụp ảnh	Cái	1
3	Máy ghi âm	Cái	1
L	THANH TRA TỈNH		
1	Panme đo ngoài	Bộ	2
2	Panme đo trong	Bộ	4
3	Thước cặp điện tử	Bộ	2
4	Thiết bị đo khoảng cách	Bộ	2
5	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	3
M	SỞ XÂY DỰNG		
I	Văn Phòng Sở		
1	Thiết bị định vị GPS cầm tay	Cái	1
2	Máy đo xa khoảng cách	Cái	1
3	Máy đo độ dày kim loại	Cái	1
4	Súng bắn bê tông	Cái	1
5	Máy chụp ảnh kỹ thuật số	Cái	1
6	Máy quay phim	Cái	1
7	Thiết bị âm thanh	Bộ	2

STT	Tên cơ quan, đơn vị		Đơn vị tính	Số lượng tối đa
	Chủng loại			
II	Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng			
1	Máy siêu âm bê tông		Bộ	2
2	Máy kéo nén 100 tấn điều khiển tự động bằng máy tính PC		Cái	2
3	Máy định vị cốt thép		Bộ	2
4	Búa thử độ cứng bê tông cầm tay		Bộ	3
5	Máy nén bê tông điện từ hiển thị số 2000KN điều khiển tự động		Cái	2
6	Máy cắt mẫu bê tông		Cái	4
7	Bộ thí nghiệm xác định giới hạn chảy của đất		Cái	5
8	Thước kẹp điện từ 300mm		Cái	5
9	Máy khoan rút lõi bê tông		Cái	4
10	Bộ mũi khoan kim cương phù hợp và đồng bộ với máy khoan DK-6DS		Bộ	5
11	Tủ sấy 110 lít		Cái	3
12	Cân điện từ 15kg x 0,5g		Cái	7
13	Cân điện từ 6kg x 0,1g		Cái	7
14	Cân điện từ 300g x 0,001g		Cái	7
15	Cân điện từ 6000g x 0,01g		Cái	7
16	Đầu đo chuyển vị có dải đo đến 20mm, kèm theo cáp kết nối 5m để kết nối đầu đo với Bộ phận thu nhận, chuyển đổi và xử lý dữ liệu		Cái	5
17	Đầu đo chuyển vị có dải đo đến 50mm, kèm theo cáp kết nối 5m để kết nối đầu đo với Bộ phận thu nhận, chuyển đổi và xử lý dữ liệu		Cái	5
18	Máy chính (Bộ phận thu nhận và xử lý số liệu) và phần mềm hiển thị các phép đo biến dạng, chuyển vị		Bộ	3
19	Máy dẫn vữa xi măng tiêu chuẩn		Cái	7
20	Máy mài mòn bê tông, gạch Block, gạch bê tông tự chèn		Cái	7
21	Máy thử uốn/nén xi măng tự động hiển thị tự động kết nối và điều khiển máy tính PC		Bộ	7
22	Tủ dưỡng hồ mẫu xi măng		Cái	7
23	Thùng hấp mẫu xi măng		Cái	7
24	Máy trộn vữa xi măng tiêu chuẩn		Cái	7
25	Máy nén CBR 50KN đa tốc độ tự động hiển thị điện từ		Bộ	3
26	Máy thử độ mài mòn		Bộ	5
27	Bộ kim lún nhựa đường tự động		Bộ	7
28	Thiết bị đo độ hóa mềm của nhựa đường bằng phương pháp vòng bi		Bộ	5
29	Bộ dụng cụ xác định khối lượng riêng của bê tông, nhựa		Cái	5
30	Máy ly tâm tách nhựa		Cái	2

STT	Tên cơ quan, đơn vị		Đơn vị tính	Số lượng tối đa
	Chủng loại			
31	Máy đầm MARSHALL tự động		Bộ	5
32	Bình ôn nhiệt Marshall hiển thị điện tử, điều khiển kỹ thuật số		Cái	7
33	Lò nung 1.200 ⁰ C		Cái	7
34	Máy đo điện trở đất		Bộ	7
35	Máy cắt thép		ch	7
36	Bộ xác định đương lượng cát		Bộ	7
37	Máy cắt đất 2 tốc độ		Bộ	5
38	Máy nén tam liên		Bộ	4
39	Kích đùn mẫu		Bộ	10
40	Bộ đo E bằng tấm ép tĩnh		Bộ	7
41	Bộ cân Benkenman		Bộ	7
42	Kích ép cọc 300T		Bộ	5
43	Bộ giá thử kéo cáp dùng trên máy kéo thép WA-1000C		Bộ	7
44	Bộ ngàm kẹp kéo bulong từ M10-M30mm		Bộ	10
45	Thiết bị đo lực căng cáp cầm tay		Cái	3
46	Máy siêu âm chiều dày ống thép		Cái	5
47	Dụng cụ xác định khả năng thấm nước của gạch		Bộ	7
48	Máy toàn đạc điện tử		Bộ	3
49	Thiết bị định vị GPS cầm tay		Cái	5
50	Thiết bị siêu âm kiểm tra khuyết tật thép, mối hàn		Cái	2
51	Bàn run mẫu Bê tông		Cái	7
52	Máy trộn bê tông		Cái	5
53	Máy thử nhót nhựa đường		Cái	3
54	Thiết bị đo nhiệt độ bắt lửa của nhựa đường		Cái	10
55	Máy đo độ dài dải nhựa đường		Cái	7
56	Máy siêu âm cọc khoan nhồi		Cái	2
57	Máy kiểm tra độ nguyên dạng cọc		Cái	2
58	Máy phát điện		Cái	5
59	Máy chụp ảnh kỹ thuật số		Cái	3
60	Bộ thiết bị thí nghiệm bentonite		Bộ	2
61	Thiết bị thử độ chống thấm nước của Bê tông		Bộ	2
62	Thiết bị đo hàm lượng bọt khí của bê tông		Bộ	2
63	Máy thí nghiệm vải địa kỹ thuật		Bộ	2
64	Bộ dụng cụ chuẩn bị mẫu vải địa kỹ thuật		Bộ	2
65	Tủ sấy 100 lít		Cái	2
66	Cân điện tử 15kg x 0.5g		Cái	3
67	Máy lắc sàng rây đa năng		Cái	2
68	Máy thí nghiệm nén 3 trục		Cái	2
69	Máy thí nghiệm nén CBR hiện trường		Bộ	2
70	Máy đầm CBR/Protor tự động		Bộ	2
71	Bộ thí nghiệm cắt cánh đất trong hồ khoan		Bộ	2
72	Bộ kích nén tĩnh cọc 120T		Cái	2
73	Thiết bị nén 3 cạnh ống cống		Cái	2

STT	Chủng loại	Tên cơ quan, đơn vị	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
74	Thiết bị chung cất nhũ tương		Bộ	2
75	Thiết Bị Xác Định Hàm Lượng Paraphin		Bộ	2
76	Thiết bị xác định hàm lượng nước trong nhựa		Bộ	2
77	Thiết bị xác định độ bền uốn gạch ốp lát		Bộ	2
78	Thiết bị thử độ bền rạn men gạch Ceramic		Bộ	2
79	Máy xác định độ bền mài mòn sâu đối với gạch		Bộ	2
80	Máy xác định độ bền mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men		Bộ	2
81	Bê thử sốc nhiệt khô gạch CERAMIC		Bộ	2
82	Bê thử sốc nhiệt ướt gạch CERAMIC		Bộ	2
83	Thiết bị xác định hệ số dẫn nở nhiệt dài		Bộ	2
84	Thiết bị xác định hệ số dẫn nở ẩm gạch Ceramic		Bộ	2
85	Thiết Bị Thử Độ Bám Dính		Bộ	2
N	BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH			
1	Máy ảnh kỹ thuật số		Cái	1
2	Máy hủy tài liệu		Cái	1
O	VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH			
1	Hệ thống biểu quyết không dây (bao gồm nút bấm biểu quyết và các thiết bị đi kèm vận hành hệ thống)		Hệ thống	1

PHỤ LỤC 02

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG TẠI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

(Kèm theo Quyết định số **53** /2019/QĐ-UBND ngày **30** tháng **12** năm 2019 của UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
A	UBND cấp huyện, thị xã, thành phố		
I	Trung tâm VH TT-TDTT		
1	Bộ dựng hình, bộ dựng phát thanh	Bộ	2
2	Máy tính dựng âm thanh	Bộ	1
3	Hệ thống thu - truyền phát thanh trực tuyến	Bộ	1
4	Máy quay phim các loại	Bộ	5
5	Máy quay phim lưu động	Cái	2
6	Tháp Anten	Cái	1
7	Máy phát sóng FM	Cái	2
8	Hệ thống cột phát sóng tam giác	Bộ	1
9	Máy ghi âm	Cái	1
10	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	2
11	Ổ cứng ngoài	Cái	2
12	Bộ dựng hình phi tuyến	Bộ	1
13	Thẻ nhớ các loại	Cái	6
14	Bộ phát mã điều khiển	Bộ	2
15	Máy tăng âm truyền hình	Cái	1
16	Khởi công suất nguồn	Cái	1
17	Máy phát điện	Cái	1
18	Hệ thống Fi đơ, chân tử phát sóng FM	Bộ	2
19	Micro các loại	Cái	2
20	Mixer các loại	Cái	2
21	Bộ âm thanh loa máy	Bộ	2
22	Cắt lọc sét	Cái	1
23	Đèn quay phim	Cái	3
24	Tai nghe kiểm thính	Cái	1
25	Máy điều hòa nhiệt độ (loại dùng liên tục cho phòng đặt thiết bị)	Cái	1
II	Trung tâm Môi trường đô thị		
1	Máy ủi	Chiếc	3
2	Máy xúc	Chiếc	2
III	Thành đoàn		
1	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	1
IV	Đài Phát thanh truyền hình và các trạm phát lại		
1	Bộ dựng hình phi tuyến	Bộ	1
2	Máy quay phim	Cái	2

STT	Tên cơ quan, đơn vị		Đơn vị tính	Số lượng tối đa
	Chủng loại			
3	Bộ máy vi tính sản xuất chương trình	Bộ	3	
4	Đầu dựng phim	Cái	1	
5	Máy phát sóng FM công suất 200W	Cái	4	
6	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	2	
V	Phòng Văn hóa thông tin			
1	Máy ảnh	Cái	3	
2	Máy đo âm thanh	Cái	2	
3	Máy đo ánh sáng	Cái	2	
4	Máy ghi âm	Cái	3	
5	Máy vi tính dựng hình, dựng phát thanh	Bộ	2	
6	Máy quay phim	Cái	2	
7	Máy phát sóng FM	Cái	1	
8	Bộ âm thanh loa máy	Bộ	1	
VI	Phòng Tài nguyên và môi trường			
1	Máy định vị cầm tay GPS	Cái	27	
2	Máy GPS 2 tần số	Cái	1	
3	Máy đo toàn đạc điện tử	Bộ	2	
4	Máy ảnh	Cái	1	
VII	Phòng Kinh tế hạ tầng			
1	Cân tải trọng lưu động	Cái	1	
2	Tivi	Cái	1	
3	Máy ảnh	Cái	1	
4	Súng bắn bê tông	Cái	1	
5	Máy đo độ chặt của đất	Cái	1	
6	Xe đo chiều dài đường	Cái	1	
7	Máy đo khoảng cách bằng Laser	Cái	1	
8	Thước kẹp điện tử	Cái	1	
9	Máy đo toàn đạc điện tử	Cái	1	
10	Máy thủy bình	Cái	1	
11	Máy phản quang	Cái	1	
VIII	Phòng Tài chính - Kế hoạch			
1	Hệ thống máy chủ và mạng nội bộ	Hệ thống	1	
B	UBND các xã			
1	Máy phát sóng FM	Bộ	2	
2	Hệ thống truyền thanh không dây	Bộ	1	
3	Đài FM	Bộ	1	
4	Máy ảnh	Cái	2	
5	Máy phát điện công suất lớn	Cái	1	
6	Máy bơm phòng cháy chữa cháy cỡ lớn	Cái	1	
7	Máy bơm phòng cháy chữa cháy cỡ nhỏ	Cái	1	